

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y; Chuyên ngành: Y tế công cộng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN THỊ THÚY HÀ

2. Ngày tháng năm sinh: 23/10/1971; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 59 Chu Văn An, phường Lê Lợi, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 15 tổ 1, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng.

Điện thoại di động: 0903267059;

E-mail: tttha@hpmu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 9/1989 đến 9/1995: Sinh viên Bác sỹ đa khoa chính quy, Trường Đại học Y Hà Nội, Phân hiệu Hải Phòng.

Từ 1/1996 đến 9/1999: Bác sỹ tại Trạm y tế phường Đồng Quốc Bình, Trung tâm y tế quận Ngô Quyền.

Từ 10/1999 đến 10/2011: Trưởng trạm y tế phường Đồng Quốc Bình, Trung tâm y tế quận Ngô Quyền.

Từ 11/2011 đến 9/2016: Giảng viên BM Y học xã hội, Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Từ 10/2016 đến nay: Phó trưởng BM Y học xã hội, Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Từ 8/2020-nay: Kiêm nhiệm Phụ trách phòng Quản lý chất lượng, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Từ 1/2024-nay: Phó trưởng khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính, Phó trưởng khoa Y tế công cộng; Phụ trách phòng Quản lý chất lượng bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Khoa Y tế công cộng.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Địa chỉ cơ quan: 72A, Nguyễn Bình Khiêm, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại cơ quan: 02253731907; E-mail: contact@hpmu.edu.vn; Fax: 02253733315

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 13 tháng 9 năm 1995; số văn bằng: 39527; ngành: Y, chuyên ngành: Bác sỹ Đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội (Phân hiệu Y Hải Phòng), Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 4 năm 2011; số văn bằng: A 004958; ngành: Y; chuyên ngành: Y tế công cộng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Y Hải Phòng, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 10 năm 2018; số văn bằng: 008846; ngành: Y; chuyên ngành: Y tế công cộng; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

13.1. *Hướng nghiên cứu 1:* Nghiên cứu các yếu tố dân số, xã hội tác động đến sức khỏe cộng đồng.

13.2. *Hướng nghiên cứu 2:* Nghiên cứu các giải pháp nâng cao sức khỏe nơi làm việc.

13.3. *Hướng nghiên cứu 3:* Nghiên cứu các nội dung liên quan đến Quản lý chất lượng bệnh viện.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 06 HVCH (hướng dẫn chính 04 HVCH) và 09 HVCKII (hướng dẫn chính 03 HVCKII) bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: đã hoàn thành 08 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố 86 bài báo khoa học (59/86 bài công bố sau khi được công nhận TS), trong đó 05 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (cả 05 bài sau khi được công nhận TS, 04 bài là tác giả đứng tên đầu);
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02 (chủ biên: 01 giáo trình; tác giả tham gia biên soạn 01 giáo trình), trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín (NXB Y học);
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở năm học 2017-2018; 2018-2019.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): KHÔNG

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Trong thời gian giảng dạy tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng 12 năm 8 tháng, tôi tự nhận thấy có đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo và đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định, cụ thể là:

- Luôn chấp hành nghiêm mọi chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, qui định của Nhà trường; đoàn kết với đồng nghiệp, hoà đồng với sinh viên và học viên.
- Được đào tạo chính quy đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy phục vụ đào tạo đại học và sau đại học.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng viên và của cán bộ quản lý. Luôn tích cực trong công tác giảng dạy, tổ chức đào tạo, triển khai nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.
- Giảng dạy cho sinh viên, học viên y khoa và khối ngành sức khỏe, luôn vượt số giờ quy định (trung bình giảng 350-450 giờ so với định mức 270-300 giờ hàng năm).
- Đã hướng dẫn 06 HVCH (hướng dẫn chính 04 HVCH); 09 HV CKII (hướng dẫn chính 03 HV CKII) bảo vệ thành công luận văn ThS/CKII.

- Đã chủ trì 08 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, tham gia 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố. Tích cực đăng tải bài báo và tham gia hội nghị khoa học. Hiện tại tham gia với vai trò thư ký nhiệm vụ “*Khảo sát đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính trong ngành y tế và lập danh mục cơ sở y tế phải kiểm kê khí nhà kính*” do Bộ Y tế giao cho Trường Đại học Y - Dược Hải Phòng chủ trì thực hiện.

- Luôn có ý thức nỗ lực trau dồi, học tập liên tục nâng cao trình độ chuyên môn, chủ động tham gia các khoá tập huấn, trao đổi, hợp tác trong và ngoài nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 08 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019				2	253	0	253/373/270
2	2019-2020				3	223	27	260/378/270
3	2020-2021			2	2	192	78	270/389/300
03 năm học cuối								
4	2021-2022			2	2	163	157	320/408/300
5	2022-2023			5	2	165	160	325/450/300
6	2023-2024			6	2	178	150	328/455/300

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội số bằng: QC 127838; năm cấp: 2016

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Báo cáo tại Hội nghị quốc tế

- **Tên Hội nghị:** The 4th AHLA International Health Literacy Conference (Hội nghị Nâng lực sức khỏe châu Á lần thứ IV- The 4th AHLA Conference).

- **Chủ đề Session 7:** Satisfaction, Quality of Life and Health Literate Services

- **Chairs:** A/Prof. Ramesh. S Ve; Prof. Karuthan Chinna

- **Tên báo cáo:** Job satisfaction and its determinants among health staffs in An Lao district Hospital, Hai Phong.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Tiếng Anh (Văn bằng 2)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1.	Đặng Anh Tuấn		HVCH	X		2018-2020	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	04/01/2021
2.	Khổng Thị Trang		HVCH		X	2018-2020	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	04/01/2021
3.	Bùi Thúy Hòa		HVCH	X		2019-2021	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	28/02/2022

4.	Lê Thị Lương		HVCH		X	2019-2021	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	28/02/2022
5.	Đinh Thị Ngọc Châu		HVCH	X		2020 -2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	30/12/2022
6.	Nguyễn Thị Cẩm Tú		HVCH	X		2020 -2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	30/12/2022
7.	Bùi Mạnh Hùng		CKII		X	2020 - 2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	18/01/2023
8.	Trần Ngọc Phương		CKII		X	2020 - 2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	18/01/2023
9.	Lê Mạnh Thương		CKII	X		2020 - 2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	18/01/2023
10.	Trần Văn Bồng		CKII	X		2021-2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	05/01/2024
11.	Nguyễn Văn Kiếm		CKII		X	2021-2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	05/01/2024
12.	Nguyễn Đức Thành		CKII		X	2021-2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	05/01/2024
13.	Bùi Quang Trọng		CKII		X	2021-2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	05/01/2024
14.	Cao Anh Vũ		CKII	X		2021-2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	05/01/2024
15.	Phạm Văn Hải		CKII		X	2021-2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	05/01/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận TS						
01	Phương pháp nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng	GT	NXB Y học 2020	12	TG	151-167	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (QĐ số 334/QĐ YDHP, 16/3/2021)
02	Dân số học	GT	NXB Y học 2022	07	CB	07-26; 178-194;	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (QĐ số 937/QĐ- YDHP, 23/5/2023)

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1.	Thực trạng chất lượng cuộc sống người cao tuổi phường Đồng Quốc Bình, Hải Phòng năm 2013	CN	Cơ sở	2013	30/12/2013 Xuất sắc

2.	Sự hài lòng đối với công việc của nhân viên y tế Bệnh viện An Lão, Hải Phòng năm 2016	CN	Cơ sở	2016	06/01/2017 Khá
II	Sau khi được công nhận TS				
3.	Thực trạng sử dụng thuốc và một số yếu tố liên quan trên người cao tuổi tại xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng năm 2017	CN	Cơ sở	2017	13/01/2018 Khá
4.	Thực trạng rối loạn cơ xương trên lái xe taxi tại một số công ty vận tải tại Hải Phòng năm 2019	CN	Cơ sở	2019	06/10/2019 Khá
5.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp quản lý điều trị tại Bệnh viện Kiến An, Hải Phòng năm 2020	CN	Cơ sở	2020	20/12/2020 Khá
6.	Thực trạng hành vi sức khỏe của học sinh trường THPT Trần Nguyên Hãn, Hải Phòng năm 2021	CN	Cơ sở	2021	15/12/2021 Khá
7.	Thực trạng sử dụng thuốc trên bệnh nhân tăng huyết áp mắc kèm đái tháo đường tại phòng khám ngoại trú Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2022	CN	Cơ sở	2022	28/12/2022 Khá
8.	Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành vệ sinh bàn tay của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	CN	Cơ sở	2023	26/01/2024 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1.	Chất lượng cuộc sống người cao tuổi phường Đồng Quốc Bình, thành phố Hải Phòng năm 2013	04	X	Y học dự phòng			23 (5), 111-116	6/2013
2.	Các yếu tố về tinh thần - xã hội ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống người cao tuổi	04	X	Y học dự phòng			23 (5), 117-122	6/2013
3.	Đặc điểm bệnh tật của người dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng năm 2013	02	X	Tạp chí Y học thực hành			921, 104-108	6/2014
4.	Lựa chọn dịch vụ khám chữa bệnh của người dân huyện Tiên Lãng, Hải Phòng năm 2013	02		Tạp chí Y học thực hành			921, 387-390	6/2014
5.	Kiến thức, thực hành phòng chống bệnh tay chân miệng của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại xã Gia Xuyên, Gia Lộc, Hải Dương năm 2013	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam			419 (2), 56-60	6/2014
6.	Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng chống bệnh tay chân miệng của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại xã Gia Xuyên, Gia Lộc, Hải Dương năm 2013	02		Tạp chí Y học Việt Nam			419 (1), 130-135	6/2014
7.	Thực trạng sử dụng thuốc trừ sâu tại 2 xã huyện An Lão, thành phố Hải Phòng năm 2012	05		Y học dự phòng			XXIV, 9(158), 26-31	10/2014

8.	Hiệu quả can thiệp truyền thông giáo dục cho người dân trong sử dụng và bảo quản thuốc trừ sâu tại xã Mỹ Đức, An Lão, Hải Phòng năm 2012	05			Y học dự phòng			XXIV, 9(158), 41-46	10/2014
9.	Thực trạng quản lý rác thải rắn Y tế tại 36 bệnh viện khu vực phía Bắc năm 2012	05			Y học dự phòng			XXIV, 9(158), 64-69	10/2014
10.	Thực trạng quản lý chất thải y tế tại các bệnh viện tuyến huyện tỉnh Hải Dương năm 2013	03			Y học dự phòng			XXIV, 1(161), 61-68	01/2015
11.	Kiến thức thực hành về quản lý chất thải y tế của nhân viên y tế tại các bệnh viện tuyến huyện tỉnh Hải Dương năm 2013	03	X		Y học dự phòng			XXIV, 1(161), 91-97	01/2015
12.	Thực trạng quản lý chất thải y tế rắn tại 22 bệnh viện khu vực miền Bắc năm 2014	05			Y học dự phòng			XXV, 11(171), 78-85	11/2015
13.	Kiến thức, thái độ với hút thuốc và một số yếu tố liên quan của học sinh trường THCS Như Quỳnh, Hưng Yên năm 2015	03	X		Y học thực hành			994 (1), 11-14	01/2016
14.	Thực trạng mắc tật khúc xạ của học sinh THCS quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng năm 2014	03	X		Y học thực hành			994(1), 184-187	01/2016
15.	Đặc điểm của bệnh nhân HIV/AIDS được quản lý tại Trung tâm y tế An Lão, thành phố Hải Phòng năm 2010-2014	03			Y học thực hành			999 (3), 161-164	3/2016
16.	Thực trạng công tác quản lý điều trị bệnh nhân	04			Y học thực hành			1000 (3),	3/

	HIV/AIDS tại Trung tâm y tế An Lão, thành phố Hải Phòng năm 2010-2014						97-100	2016
17.	Thực trạng tuân thủ điều trị của bệnh nhân điều trị ARV tại Trung tâm y tế An Lão, Hải Phòng	04	X	Y học Việt Nam			440 (2), 167-171	3/ 2016
18.	Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ và một số yếu tố liên quan ở trẻ dưới 1 tuổi tại 2 phường thuộc thị xã Đông Triều, Quảng Ninh - năm 2015	03	X	Tạp chí Y học thực hành			1004, 444-447	5/ 2016
19.	Thực trạng trầm cảm ở công nhân một công ty xi măng tại Hải Phòng năm 2015	05		Y học dự phòng			XXVI, 14(187), 52-59	11/ 2016
20.	Một số yếu tố liên quan đến trầm cảm trên công nhân một công ty xi măng tại Hải Phòng	05		Y học dự phòng			XXVI, 14(187), 60-66	11/ 2016
21.	Thực trạng môi trường lao động tại cơ sở dệt may Nam Định năm 2016	04	X	Y học dự phòng			XXVI, 14(187), 129-136	11/ 2016
22.	Sự hài lòng đối với công việc của nhân viên y tế Bệnh viện An Lão, Hải Phòng năm 2016	05		Y học dự phòng			XXVI, 14(187), 137-143	11/ 2016
23.	Cơ cấu bệnh tật của công nhân tại cơ sở dệt may Nam Định, năm 2016	05		Y học dự phòng			XXVI, 14(187), 177-183	11/ 2016
24.	Hiệu quả can thiệp truyền thông thay đổi kiến thức, thực hành về bệnh hen phế quản dị ứng do dị nguyên bụi bông của công nhân tại cơ sở dệt may Nam Định, năm 2016	04	X	Y học dự phòng			27 (7), 206-212	6/ 2017

25.	Thực trạng sử dụng nhiều thuốc ở bệnh nhân cao tuổi điều trị ngoại trú tại Bệnh viện An Dương, Hải Phòng năm 2017	04	X	Y học dự phòng			27 (10), 84-89	11/ 2017
26.	Thực trạng viêm mũi dị ứng ở học sinh trường Tiểu học Lê Hồng Phong, thành phố Hải Phòng năm 2017	05		Y học dự phòng			27 (10), 90-95	11/ 2017
27.	Một số yếu tố liên quan đến tình trạng viêm mũi dị ứng ở học sinh trường Tiểu học Lê Hồng Phong, Hải Phòng năm 2017	05		Y học dự phòng			27 (10), 96-102	11/ 2017
II Sau khi được công nhận TS								
<i>Bài công bố trên tạp chí quốc tế sau khi được công nhận TS</i>								
28.	The Cotton Dust-Related Allergic Asthma: Prevalence and Associated Factors among Textile Workers in Nam Dinh Province, Vietnam.	07	X (tác giả đứng đầu)	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI, IF=4.614 (Q2)	6	18(8), 9813	9/ 2021
29.	Predictors of eHealth Literacy and Its Associations with Preventive Behaviors, Fear of COVID-19, Anxiety, and Depression among Undergraduate Nursing Students: A Cross-Sectional Survey.	16	X (tác giả đứng đầu)	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI, IF=4.614 (Q2)	31	19(7), 3766	3/ 2022
30.	Mortality benefits of reduction fine particulate matter in Vietnam, 2019	12		Frontiers in Public Health	ISI, IF=6.461 (Q2)	7	10 (1056370)	11/ 2022
31.	Suicidal ideation and its associated factors among	3	X (tác	Journal of Public Health	Scopus, IF=0,16		Vol.22 No.2	5/ 2024

	high school adolescents in Haiphong, Vietnam		giả đứng đầu)	and Development	(Q4)		(1-12)	
32.	Barriers to dietary adherence among Vietnamese type 2 diabetes mellitus patients: a hospital-based cross-sectional study in Haiphong	4	X (tác giả đứng đầu)	Journal of Public Health and Development	Scopus, IF=0,16 (Q4)		Vol.22 No.2 (39-53)	5/ 2024
Bài công bố trên tạp chí trong nước sau khi được công nhận TS								
33.	Hiệu quả can thiệp điều trị viêm mũi dị ứng bằng Avamys ở học sinh Trung học cơ sở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	05		Y học dự phòng			28(9), 19-26	12/ 2018
34.	Một số yếu tố liên quan đến viêm mũi dị ứng ở học sinh Trung học cơ sở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An năm 2015	04		Y học dự phòng			28(9), 27-33	12/ 2018
35.	Các yếu tố liên quan đến hiệu quả điều trị ngoại trú bệnh tăng huyết áp tại bệnh viện Ưng Bí, tỉnh Quảng Ninh năm 2018	05		Y học dự phòng			28(9), 41-46	12/ 2018
36.	Thực trạng quản lý điều trị bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Ưng Bí, tỉnh Quảng Ninh năm 2018	05	X	Y học dự phòng			28(9), 47-52	12/ 2018
37.	Thực trạng sâu răng ở học sinh trường Tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Hải Phòng năm 2018	04		Y học dự phòng			28(9), 62-67	12/ 2018
38.	Mối liên quan giữa một số yếu tố nhân khẩu học và chất lượng cuộc sống của bệnh nhân lọc máu chu kỳ tại	06	X	Y học dự phòng			28(9), 84-89	12/ 2018

	Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng năm 2017							
39.	Một số yếu tố liên quan đến bệnh sâu răng ở học sinh trường Tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Hải Phòng năm 2018	04			Y học dự phòng			28(9), 115-121 12/ 2018
40.	Thực trạng nhiễm HIV và các hành vi nguy cơ ở nhóm phụ nữ bán dâm và nam quan hệ tình dục đồng giới qua giám sát trọng điểm tại Hải Phòng năm 2016	05			Y học dự phòng			28(9), 192-198 12/ 2018
41.	Thực trạng nhiễm HIV và các hành vi nguy cơ trên nhóm nghiện chích ma túy giám sát trọng điểm tại Hải Phòng năm 2016	05			Y học dự phòng			28(9), 199-205 12/ 2018
42.	Thực trạng sức khỏe người cao tuổi trong một số câu lạc bộ sức khỏe tại Hải Phòng năm 2018	04	X		Y học dự phòng			29 (9), 111-116 10/ 2019
43.	Thực trạng mắc rối loạn trầm cảm của học sinh trường THPT Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng năm 2018	04			Y học dự phòng			29 (9), 117-123 10/ 2019
44.	Một số yếu tố liên quan đến rối loạn trầm cảm ở học sinh trường THPT Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	04	X		Y học dự phòng			29(9), 130-136 10/ 2019
45.	Thực trạng rối loạn cơ xương trên lái xe taxi tại thành phố Hải Phòng năm 2019	04			Y học dự phòng			29 (9), 237-244 10/ 2019

46.	Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi trong một số câu lạc bộ sức khỏe tại Hải Phòng năm 2018	03		Y học Việt Nam			Tập 484 (Số đặc biệt), 175-180	11/2019
47.	Thực trạng thể lực và cơ cấu bệnh tật của công nhân sản xuất thú nhồi bông tại công ty TNHH may xuất khẩu Minh Thành năm 2017	03	X	Y học Việt Nam			Tập 484 (Số đặc biệt), 221-227	11/2019
48.	Kiến thức thực hành phòng chống đuối nước ở trẻ em dưới 15 tuổi của cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ và cán bộ y tế huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định năm 2015	04		Y học dự phòng			30 (1), 27-34	01/2020
49.	Thực trạng quản lý điều trị ngoại trú bệnh nhân tăng huyết áp tại Trung tâm y tế huyện Nam Sách, Hải Dương năm 2018-2019	04		Y học dự phòng			31(1), 134-140	01/2021
50.	Một số yếu tố liên quan đến quản lý điều trị tăng huyết áp tại phòng khám Nội, khoa Khám bệnh, Trung tâm y tế huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương năm 2018-2019.	04		Y học dự phòng			31(1), 141-147	01/2021
51.	Thực trạng mang HbSAg và HBV DNA tải lượng cao ở phụ nữ mang thai đến khám và quản lý thai nghén tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, 10/2017-3/2018	06		Y học dự phòng			31(1), 189-195	01/2021
52.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến mất cân bằng giới tính khi sinh tại xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng năm 2019	04		Y học dự phòng			31(1), 196-202	01/2021

53.	Một số yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh tại thành phố Hải Phòng năm 2018	04	X	Y học dự phòng			31(1), 210-217	01/ 2021
54.	Lây truyền Vi rút viêm gan B từ mẹ sang con và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ có HbSAg dương tính tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2017-2019	04		Y học dự phòng			31(1), 227-235	01/ 2021
55.	Đặc điểm dịch tễ học tai nạn thương tích và thực trạng sơ cấp cứu bệnh nhân tai nạn thương tích điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019	04		Y học dự phòng			31(1), 303-311	01/ 2021
56.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả nội soi mũi xoang điều trị viêm xoang hàm một bên	02		Y học Việt Nam			503 (số đặc biệt, phần 2), 329-338	2021
57.	Nghiên cứu đặc điểm mô bệnh học trong ung thư đại trực tràng tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An	02		Y học Việt Nam			503 (số đặc biệt, phần 2), 339-346	2021
58.	Mối liên quan của các yếu tố mô bệnh học trong ung thư đại trực tràng tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An	02	X	Y học Việt Nam			503 (số đặc biệt, phần 2), 347-353	2021
59.	Nguồn nhân lực y tế tại Bệnh viện Nghệ An năm 2020	03		Y học dự phòng			31(5), 133-140	7/ 2021
60.	Thực trạng tai nạn lao động và một số yếu tố liên quan của người lao động tại làng nghề đúc đồng xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, năm 2020	07		Y học dự phòng			32 (1), 122-129	01/ 2022

61.	Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của bác sĩ, điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh năm 2020	03			Y học dự phòng			32 (1), 263-270	01/ 2022
62.	Một số yếu tố liên quan đến dấu hiệu trầm cảm của học sinh trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu, Kiến An, Hải Phòng năm 2021	05			Y học dự phòng			32 (1), 278-284	01/ 2022
63.	Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ về sức khỏe sinh sản vị thành niên và thực hành tình dục an toàn của học sinh trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu, Hải Phòng năm 2021	06			Y học dự phòng			32 (1), 318-325	01/ 2022
64.	Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng chống bệnh dại của người dân tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La năm 2019	05			Y học dự phòng			32 (5), 95- 104	5/ 2022
65.	Sa sút trí tuệ và một số yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại thành phố Hải Phòng năm 2022	05	X		Y học dự phòng			32 (8), 146-153	8/ 2022
66.	Knowledge, attitude, and practice on COVID-19 prevention of infected people in Hai Ha district, Quang Ninh, in 2022	03	X		Vietnam Journal of Preventive Medicine			32(9), 86-93	9/ 2022
67.	Thực trạng hành vi bạo lực học đường của học sinh trường Trung học cơ sở Đại Đức, huyện Kim Thành, Hải Dương năm 2022	06			Y học dự phòng			33(1), 32-38	6/ 2023

68.	Thực trạng kiến thức, thực hành của người có thẻ bảo hiểm y tế trong sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2022	03	X	Y học dự phòng			33(1), 55-63	6/ 2023
69.	Thực trạng sử dụng thuốc trên bệnh nhân tăng huyết áp mắc kèm đái tháo đường tại phòng khám ngoại trú Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2022	05	X	Y học dự phòng			33(1), 93-100	6/ 2023
70.	Thực trạng sử dụng hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh năm 2022	06		Y học Việt Nam			527 (số đặc biệt), 3-9	6/ 2023
71.	Một số yếu tố liên quan đến mắc nhiều đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính của bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh năm 2022	06		Y học Việt Nam			527 (số đặc biệt), 18-27	6/ 2023
72.	Một số yếu tố liên quan đến sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí tham gia chống dịch COVID-19 năm 2022	06		Y học Việt Nam			527 (số đặc biệt), 109-117	6/ 2023
73.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan mắc bệnh bụi phổi than ở công nhân khai thác hầm lò tại tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	03	X	Y học Việt Nam			527 (số đặc biệt), 118-126	6/ 2023
74.	Thực trạng chất lượng số liệu được quản lý trên hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia tại thị xã Quảng	06		Y học Việt Nam			527 (số đặc biệt), 238-245	6/ 2023

	Yên, tỉnh Quảng Ninh năm 2022								
75.	Hiệu quả của can thiệp nuôi dưỡng sớm cho bệnh nhân phẫu thuật ống tiêu hóa tại Bệnh viện Kiến An, Hải Phòng năm 2020-2021	04			Y học Việt Nam			527 (số đặc biệt), 304-311	6/2023
76.	Một số yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị ở người bệnh đái tháo đường típ 2 điều trị ngoại trú tại Trung tâm Y tế thị xã Mỹ Hòa, Hưng Yên năm 2023	04	x		Y học dự phòng			34(1), 9-16	4/2024
77.	Khẩu phần ăn của bệnh nhân đái tháo đường típ 2 điều trị nội trú tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2022 – 2023	04			Y học dự phòng			34(1), 17-24	4/2024
78.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến tăng huyết áp ở người từ 40 tuổi trở lên tại huyện Cô Tô, Quảng Ninh năm 2022	04			Y học dự phòng			34(1), 25-32	4/2024
79.	Kiến thức, thực hành và một số yếu tố liên quan đến sử dụng kháng sinh ở sinh viên y đa khoa, trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023	03			Y học dự phòng			34(1), 99-106	4/2024
80.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng chống bệnh Đậu mùa khỉ của sinh viên ngành bác sỹ Y học Dự phòng trường Đại học Y Hà Nội năm 2023	05			Y học dự phòng			34(1), 107-114	4/2024
81.	Đặc điểm căng thẳng nghề nghiệp ở điều dưỡng viên lâm sàng tại Bệnh viện E năm 2023	04			Y học dự phòng			34(1), 135-143	4/2024

82.	Thực trạng và ảnh hưởng của việc nghiện điện thoại thông minh đến sự tương tác xã hội của sinh viên y đa khoa trường đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023	05		Y học dự phòng			34(1), 144-151	4/ 2024
83.	Thực trạng kiến thức, thực hành vệ sinh bàn tay của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2023	03	x	Y học dự phòng			34(1), 152-158	4/ 2024
84.	Kiến thức, thái độ về sức khỏe sinh sản và thực hành tình dục an toàn của học sinh trung học phổ thông huyện Ninh Giang, Hải Dương năm 2022	04		Y học dự phòng			34(1), 159-168	4/ 2024
85.	Tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân đái tháo đường tít 2 tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2022 - 2023	05		Y học Việt Nam			539 (số đặc biệt), 172-178	6/ 2024
86.	Thực trạng quản lý điều trị ngoại trú bệnh tăng huyết áp tại Trung tâm y tế Phù Cù, Hưng Yên năm 2023	03	x	Y học Việt Nam			539 (số đặc biệt), 187-193	6/ 2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 04 (số thứ tự 28,29 và 31, 32).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1.	Chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng chính quy (sửa đổi)	Tham gia	Quyết định số 201/QĐ-YDHP ngày 19/01/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Quyết định số 756/QĐ-YDHP ngày 28/4/2022	

			Quyết định số 1251/QĐ-YDHP ngày 29/7/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Quyết định số 659/QĐ-YDHP ngày 4/4/2023	
2.	Chương trình đào tạo ngành Y Khoa chính quy (đổi mới)	Tham gia	Quyết định số 1115/QĐ-YDHP ngày 15/7/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Quyết định số 657/QĐ-YDHP ngày 04/4/2023	
3.	Chương trình đào tạo Thạc sĩ Y học dự phòng (xây dựng)	Tham gia	Quyết định số 832/QĐ-YDHP ngày 10/5/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Quyết định số 337/QĐ-YDHP ngày 17/02/2023	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Thúy Hà